

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Quý 01 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND/USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		463,342,550,438	354,444,994,281
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	89,999,897,217	64,419,650,399
1. Tiền	111		89,999,897,217	64,419,650,399
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198,942,785,721	167,534,650,083
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	196,229,750,594	166,632,768,695
2. Trả trước cho người bán	132		1,857,032,515	20,380,360
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1,215,490,536	1,259,403,952
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(359,487,924)	(377,902,924)
IV. Hàng tồn kho	140		167,583,300,368	118,787,006,944
1. Hàng tồn kho	141	V.5	168,645,505,883	119,849,212,459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(1,062,205,515)	(1,062,205,515)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,816,567,132	3,703,686,855
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	304,422,496	251,247,151
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,847,600,332	1,266,130,557
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		58,917,730	27,468,526
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2,605,626,574	2,158,840,621

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		286,728,093,032	285,547,329,770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		41,298,293,013	39,716,214,265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22,979,203,393	19,488,245,901
<i>Nguyên giá</i>	222		55,923,846,901	51,201,417,056
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32,944,643,508)	(31,713,171,155)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14,737,370,192	14,789,603,033
<i>Nguyên giá</i>	228		15,874,994,539	15,874,994,539
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,137,624,347)	(1,085,391,506)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3,581,719,428	5,438,365,331
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	37,269,581,366	37,661,415,449
<i>Nguyên giá</i>	241		40,103,855,723	40,103,855,723
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(2,834,274,357)	(2,442,440,274)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		207,563,027,793	207,668,637,793
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	194,168,637,793	194,168,637,793
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	19,312,190,000	19,312,190,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(5,917,800,000)	(5,812,190,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		597,190,860	501,062,263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	523,512,302	427,383,705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	73,678,558	73,678,558
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		750,070,643,470	639,992,324,051

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		340,651,743,931	256,359,166,804
I. Nợ ngắn hạn	310		295,816,785,052	211,687,335,236
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	91,352,760,883	74,224,411,546
2. Phải trả người bán	312	V.19	179,590,608,760	101,098,833,769
3. Người mua trả tiền trước	313		1,021,148,126	448,440,642
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	18,934,414,289	21,854,345,005
5. Phải trả người lao động	315		2,409,438,246	6,685,379,709
6. Chi phí phải trả	316	V.21	621,215,763	429,606,687
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	1,546,449,650	1,172,746,331
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	340,749,335	5,773,571,547
II. Nợ dài hạn	330		44,834,958,879	44,671,831,568
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	42,934,164,927	42,756,229,401
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	1,900,793,952	1,915,602,167
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		409,418,899,539	383,633,157,247
I. Vốn chủ sở hữu	410		409,418,899,539	383,633,157,247
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	81,338,550,000	81,338,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70,731,808,592	70,731,808,592
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(702,100,000)	(702,100,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		93,462,382,278	93,462,382,278
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		20,000,000,000	20,000,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		144,588,258,669	118,802,516,377
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		750,070,643,470	639,992,324,052

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp.HCM, ngày 25 tháng 04 năm 2010

Nguyễn Văn Hiếu
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

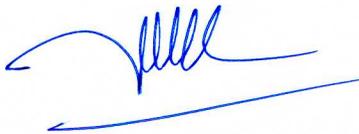
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND/USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến	
			2010	2009	Quý 1 / 2010	Quý 1 / 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	256,460,533,853	224,241,498,030	256,460,533,853	224,241,498,030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1,080,487,597	1,092,315,528	1,080,487,597	1,092,315,528
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	255,380,046,256	223,149,182,502	255,380,046,256	223,149,182,502
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	193,790,935,920	161,281,509,859	193,790,935,920	161,281,509,859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61,589,110,336	61,867,672,643	61,589,110,336	61,867,672,643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	310,745,445	512,144,646	310,745,445	512,144,646
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,958,257,607	6,075,702,428	7,958,257,607	6,075,702,428
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,975,174,513	715,283,429	1,975,174,513	715,283,429
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13,089,077,607	10,205,594,115	13,089,077,607	10,205,594,115
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5,853,160,103	4,949,383,827	5,853,160,103	4,949,383,827
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34,999,360,464	41,149,136,919	34,999,360,464	41,149,136,919
11. Thu nhập khác	31	VI.7	44,122,318	31,649,537	44,122,318	31,649,537
12. Chi phí khác	32	VI.8	662,493,063	369,903	662,493,063	369,903
13. Lợi nhuận khác	40		(618,370,745)	31,279,634	(618,370,745)	31,279,634
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34,380,989,719	41,180,416,553	34,380,989,719	41,180,416,553
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	8,595,247,427	10,319,569,637	8,595,247,427	10,319,569,637
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25,785,742,292	29,855,577,936	25,785,742,292	29,855,577,936
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					



Nguyễn Văn Hiếu
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trương Công Cừ
Tổng Giám Đốc

Tp. HCM, ngày 25 tháng 04 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 năm 2010
(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN	
			31/03/2010	31/03/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng , cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		240,457,234,696	186,801,422,460
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(181,645,405,599)	(117,019,176,849)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11,221,280,026)	(10,425,124,105)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2,012,489,993)	(1,183,364,386)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(10,617,362,500)	(9,486,468,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		122,306,016,934	74,558,563,585
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(147,714,967,983)	(93,439,637,923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9,551,745,529	29,806,214,782
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm , xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,464,885,000)	(106,401,598)
2. Tiền thu từ thanh lý , nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay , mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(15,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay , bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(750,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay , cổ tức và lợi nhuận được chia	27		365,036,952	303,740,527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,099,848,048)	(15,552,661,071)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu , mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33		135,334,438,400	70,547,840,378
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(118,206,089,063)	(91,391,048,683)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức , lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17,128,349,337	(20,843,208,305)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		25,580,246,818	(6,589,654,594)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64,419,650,399	44,458,692,628
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		89,999,897,217	37,869,038,034

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở); Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác; Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng; Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ chống mối mọt; Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng; Cho thuê kho bãi.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ **tám** của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tòa nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế thương mại

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 15 tháng 01 năm 2001 khi cổ phần hóa. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí đền bù, giải tỏa

Chi phí phát sinh để giải phóng mặt bằng xây dựng văn phòng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí xây dựng văn phòng trên đất thuê

Chi phí xây dựng văn phòng trên đất thuê được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Năm tài chính 2002 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/03/2010 : 18.544 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền mặt	4.395.509.681	2.571.706.221
Tiền gửi ngân hàng	83.636.062.536	61.692.944.178
Tiền đang chuyển	1.968.325.000	155.000.000
Cộng	<u>89.999.897.217</u>	<u>64.419.650.399</u>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn -

2. Phải thu khách hàng

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Khách hàng khử trùng	13.207.297.993	8.183.569.268
Khách hàng nông được	177.293.826.292	154.089.149.048
Khách hàng PCO	4.668.778.847	3.657.320.572
Khách hàng đi thuê VP	1.059.847.462	702.729.807
Cộng	<u>196.229.750.594</u>	<u>166.632.768.695</u>

3. Các khoản phải thu khác

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Phải thu nhân viên; thuế thu nhập cá nhân đã nộp hộ	517.489.871	560.002.264
Phải thu BHXH người lao động	47.356.898	-
Nộp trước BHXH, BHYT	387.345.327	-
Phải thu Công ty TNHH Hải Yên các khoản đã chi hộ	254.576.000	189.576.000
Phải thu khác	8.722.440	509.825.688
Cộng	<u>1.215.490.536</u>	<u>1.259.403.952</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	29.027.625	29.027.625
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	103.105.988	121.520.988
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	155.153.356	155.153.356
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	72.200.955	72.200.955
Cộng	<u>359.487.924</u>	<u>377.902.924</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Hàng mua đang đi trên đường	1.800.000	5.103.467.440
Nguyên liệu, vật liệu	89.223.477.378	44.637.551.406
Công cụ, dụng cụ	2.199.695.611	1.195.509.271
Thành phẩm	19.467.698.860	29.444.604.652
Hàng hóa	57.599.271.586	39.464.380.104
Hàng gửi đi bán	153.562.448	3.699.586
Cộng	<u>168.645.505.883</u>	<u>119.849.212.459</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.058.132.763	1.058.132.763
Thành phẩm, hàng hóa	4.072.752	4.072.752
Cộng	<u>1.062.205.515</u>	<u>1.062.205.515</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu quý	695.604.304
Trích lập dự phòng bổ sung	1.062.205.515
Hoàn nhập dự phòng	-695.604.304
Số cuối quý	<u>1.062.205.515</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền thuê VP làm việc, thuê kho	152.940.694	152.940.694
Công cụ dụng cụ	151.481.802	98.306.457
Cộng	<u>304.422.496</u>	<u>251.247.151</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tạm ứng	2.494.234.446	2.100.223.693
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	111.392.128	58.616.928
Cộng	<u>2.605.626.574</u>	<u>2.158.840.621</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu quý	13.064.969.042	6.961.092.723	26.670.228.973	4.505.126.318	51.201.417.156
Tăng trong quý	4.089.871.845	152.500.000	406.538.000	73.519.900	4.722.429.745
Mua sắm mới	-	152.500.000	406.538.000	73.519.900	632.557.900
Kết chuyển từ XDCCB	4.089.871.845	-	-	-	4.089.871.845
Điều chỉnh nội bộ	-	-	-	-	-
Giảm trong quý	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Kết chuyển công cụ	-	-	-	-	-
Số cuối quý	17.154.840.887	7.113.592.723	27.076.767.073	4.578.646.218	55.923.846.901
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.606.364.060	3.970.998.635	7.569.899.304	1.928.599.882	16.075.861.881
Giá trị hao mòn					
Số đầu quý	9.746.568.892	5.507.329.627	13.967.492.088	2.491.780.548	31.713.171.155
Khấu hao trong quý	183.487.846	143.199.868	762.338.828	142.445.811	1.231.472.353
Giảm trong quý	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Kết chuyển công cụ	-	-	-	-	-
Số cuối quý	9.930.056.738	5.650.529.495	14.729.830.916	2.634.226.359	32.944.643.508
Giá trị còn lại					
Số đầu quý	3.318.400.150	1.453.763.096	12.702.736.985	2.013.345.770	19.488.246.001
Số cuối quý	7.224.784.149	1.463.063.228	12.346.936.157	1.944.419.859	22.979.203.393
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu quý	15.874.994.539
Mua trong quý	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-
Số cuối quý	15.874.994.539
Giá trị hao mòn	
Số đầu quý	1.085.391.506
Khấu hao trong quý	52.232.841
Số cuối quý	1.137.624.347
Giá trị còn lại	
Số đầu quý	14.789.603.033
Số cuối quý	14.737.370.192

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu quý	Chi phí phát sinh trong quý	Kết chuyển vào TSCĐ trong quý	Kết chuyển giảm khác	Số cuối quý
- Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
- XDCB dở dang	5.438.365.331	2.233.225.942	4.089.871.845	-	3.581.719.428
.Trụ sở CN Kiên Giang	-	13.636.363	-	-	13.636.363
.Mở rộng Nhà máy Lê Minh Xuân	3.560.617.970	529.253.875	4.089.871.845	-	-
.Công trình vườn Quốc gia Ba Vì	69.580.000	-	-	-	69.580.000
.VP làm việc CN Đăklăk	608.167.361	705.508.704	-	-	1.313.676.065
.Chuyển nhượng quyền SD đất tại Kiên Giang	1.200.000.000	984.827.000	-	-	2.184.827.000
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	5.438.365.331	2.233.225.942	4.089.871.845	-	3.581.719.428

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu quý	7.619.891.500	32.483.964.223	40.103.855.723
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-
Xây dựng cơ bản chuyển sang	-	-	-
Số cuối quý	7.619.891.500	32.483.964.223	40.103.855.723
Giá trị hao mòn			
Số đầu quý	-	2.442.440.274	2.442.440.274
Khấu hao trong quý	-	391.834.083	391.834.083
Số cuối quý	-	2.834.274.357	2.834.274.357
Giá trị còn lại			
Số đầu quý	7.619.891.500	30.041.523.949	37.661.415.449
Số cuối quý	7.619.891.500	29.649.689.866	37.269.581.366

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất tại số 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	7.619.891.500	7.619.891.500
Tòa nhà Văn phòng tại số 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	36.692.142.866	34.040.196.585
Tòa nhà Văn phòng tại số 292 đường 2/9, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	3.411.712.857	3.229.384.781
Cộng	<u>40.103.855.723</u>	<u>37.269.581.366</u>

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty TNHH Hải Yến	66,67%	294,17%	179.514.814.098
Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê công	40%	34,47%	13.790.000.000
Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt	35,77%	35,77%	863.823.695
Cộng			<u>194.168.637.793</u>

Chi tiết các khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 03 năm 2010 như sau:

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Đầu tư vốn</u>	<u>Chi phí đầu tư</u>	<u>Cộng</u>
Công ty TNHH Hải Yến ^(a)	176.500.000.000	3.014.814.098	179.514.814.098
Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê công ^(b)	13.790.000.000	-	13.790.000.000
Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt ^(c)	830.000.000	33.823.695	863.823.695
Cộng	<u>191.120.000.000</u>	<u>3.048.637.793</u>	<u>194.168.637.793</u>

(a) Công ty TNHH Hải Yến hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702000784 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp với vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Khử trùng và Giám định theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 66,67% và Công ty Thực phẩm và Đầu tư Công nghệ là 33,33%. Tuy nhiên, Công ty thực tế đã đầu tư 176.500.000.000 VND. Hiện các bên đầu tư chưa đạt được sự thỏa thuận về tỷ lệ góp vốn, vì vậy giá trị đầu tư này có thể có sự thay đổi do chuyển sang ghi nhận một phần là khoản phải thu để phù hợp với thỏa thuận góp vốn giữa các bên.

(b) Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê công hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000101 ngày 20 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp với vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam góp 16.000.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2010, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đã góp 13.790.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (c) Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003586 ngày 12 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 2.320.000.000 VND. Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đầu tư 830.000.000 VND tương đương 35,77% vốn điều lệ.

14. Đầu tư dài hạn khác

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông dược HAI	17.227.800.000	17.227.800.000
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	2.084.390.000	2.084.390.000
Cộng	<u>19.312.190.000</u>	<u>19.312.190.000</u>

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu quý</u>	<u>Tăng trong quý</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Lợi thế thương mại	-	-	-	-
Công cụ dụng cụ	98.701.397	210.098.363	51.604.713	257.195.047
Chi phí sửa chữa	226.539.411	-	28.317.420	198.221.991
Chi phí đền bù, giải tỏa	-	-	-	-
Chi phí xây dựng văn phòng trên đất thuê	102.142.897	-	34.047.633	68.095.264
Tiền thuê kho trả trước	-	-	-	-
Cộng	<u>427.383.705</u>	<u>210.098.363</u>	<u>113.969.766</u>	<u>523.512.302</u>

17. Tài sản dài hạn khác

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Đặt cọc thuê văn phòng, thuê trạm, thuê kho	67.000.000	67.000.000
Ký quỹ tiền điện sinh hoạt	2.000.000	2.000.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng Pco	4.678.558	4.678.558
Cộng	<u>73.678.558</u>	<u>73.678.558</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ^(a)	45.808.278.154	43.202.759.689
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(b)	45.544.482.729	31.021.651.857
Cộng	<u>91.352.760.883</u>	<u>74.224.411.546</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu khách hàng thông qua tài khoản tại Ngân hàng HSBC ít nhất bằng 100% tổng dư nợ tại mọi thời điểm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu quý	74.224.411.546
Số tiền vay phát sinh trong quý	135.334.438.400
Số tiền vay đã trả trong quý	(118.206.089.063)
Chênh lệch tỷ giá	-
Số cuối quý	91.352.760.883

19. Phải trả người bán

	31/03/2010	01/01/2010
Syngenta Asia Pacific Co., Ltd.	1.793.260.800	14.173.490.470
Syngenta Việt Nam Co., Ltd.	84.684.113.653	29.580.163.825
Marusa Co., Ltd.	62.379.253.920	32.379.916.800
Itochu Chemical Frontier Co., Ltd	5.623.040.000	6.237.726.880
Makhteshim Agan (Thailand) LTD	3.645.355.815	6.104.066.430
Nhà cung cấp khác	21.465.584.572	12.623.469.364
Cộng	179.590.608.760	101.098.833.769

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu quý	Số phải nộp trong quý	Số đã nộp trong quý	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.696.594.130	3.604.061.960	5.468.232.853	832.423.237
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.057.761.673	5.216.359.273	4.076.630.618	2.197.490.328
Thuế nhập khẩu	135.528.037	283.051.261	347.298.016	71.281.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.986.543.671	8.595.247.426	10.617.362.500	14.964.428.597
Thuế thu nhập cá nhân	703.002.102	290.746.816	154.475.747	839.273.172
Các loại thuế khác	28.066.048	14.804.150	13.352.525	29.517.673
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	246.849.344	-	246.849.344	-
Cộng	21.854.345.005	18.004.270.886	20.924.201.602	18.934.414.289

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng hóa và dịch vụ xuất vào khu chế xuất	0%
Hàng nông dược	5%
Dịch vụ cung cấp khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	Quý 1 - 2010	Năm 2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.380.989.719	- 137.559.075.333
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	2.451.256.958
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(676.605.784)
Tổng thu nhập tính thuế	34.380.989.719	139.333.726.507
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.595.247.427	34.833.431.627
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	144.534.463
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.595.247.427	34.977.966.090

Các loại thuế khác, phí và lệ phí

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

	31/03/2010	01/01/2010
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp năm 2009 thanh toán năm 2010.	-	429.606.687
Chiết khấu nông dược tạm tính	621.215.763	
Cộng	621.215.763	429.606.687

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2010	01/01/2010
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	110.235.162	201.907.246
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	152.577.581	152.577.581
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.283.636.907	818.261.504
Cộng	1.546.449.650	1.172.746.331

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu quý	5.773.571.547	107.002.723
Số tăng trong quý	-	9.919.701.082
Tăng khác trong quý	-	728.200.000
Số chi trong quý	(5.432.822.212)	(4.981.332.258)
Số cuối quý	340.749.335	5.773.571.547

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**24. Phải trả dài hạn khác**

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.249.264.927	5.071.329.401
Nhận góp vốn của nhân viên để đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến	34.784.900.000	34.784.900.000
Phải trả vốn dự trữ Quốc gia	2.900.000.000	2.900.000.000
Cộng	<u>42.934.164.927</u>	<u>42.756.229.401</u>

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu quý	1.909.374.509	1.928.197.026
Số trích lập trong quý	34.881.609	193.858.216
Số chi trong quý	(43.462.166)	(206.453.075)
Số cuối quý	<u>1.900.793.952</u>	<u>1.915.602.167</u>

26. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>31/03/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.133.855	8.133.855
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.133.855	8.133.855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.133.855	8.133.855
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.210	10.210
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.210	10.210
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.123.645	8.123.645
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.123.645	8.123.645
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Tổng doanh thu	256.460.533.853	826.831.668.359
- Doanh thu dịch vụ khử trùng	21.560.529.035	103.136.740.639
- Doanh thu bán hàng nông được	224.444.288.359	687.453.296.353
- Doanh thu dịch vụ PCO	6.592.072.078	23.388.414.840
- Doanh thu cho thuê văn phòng	3.713.644.381	12.277.216.527
- Doanh thu khác	150.000.000	576.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.080.487.597)	(13.987.505.176)
- Chiết khấu thương mại	1.080.487.597	(13.766.231.488)
- Hàng bán bị trả lại		(221.273.688)
Doanh thu thuần	<u>255.380.046.256</u>	<u>812.844.163.183</u>

Trong đó:

- Doanh thu thuần dịch vụ khử trùng	21.560.529.035	103.136.740.639
- Doanh thu thuần bán hàng nông được	223.363.800.762	673.465.791.177
- Doanh thu thuần dịch vụ PCO	6.592.072.078	23.388.414.840
- Doanh thu cho thuê văn phòng	3.713.644.381	12.277.216.527
- Doanh thu thuần khác	150.000.000	576.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Giá vốn dịch vụ khử trùng	14.787.912.768	67.049.190.765
Giá vốn bán hàng nông được	174.265.650.579	507.867.421.526
Giá vốn PCO	3.852.472.203	13.463.332.842
Giá vốn cho thuê văn phòng	884.900.370	2.933.634.131
Giá vốn khác		-
Cộng	<u>193.790.935.920</u>	<u>591.313.579.264</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	299.716.145	824.695.914
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.999.050.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	676.605.784
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.796.360.074
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.029.300	1.332.767.381
Cộng	<u>310.745.445</u>	<u>6.629.479.709</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí lãi vay	1.975.174.513	5.396.335.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	194.417.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.877.473.094	9.937.092.453
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	105.610.000	(5.400.000.000)
Cộng	<u>7.958.257.607</u>	<u>10.127.845.040</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	4.629.450.084	15.902.546.306
Chi phí vật liệu	118.268.484	189.914.150
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	486.280.210	1.381.582.236
Chi phí xuất hàng khuyến mãi	589.632.963	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.610.153	-
Chi phí khác	7.208.835.713	36.122.495.044
Cộng	<u>13.089.077.607</u>	<u>53.596.537.736</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.808.161.561	10.785.410.982
Chi phí vật liệu	4.304.972	28.376.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.111.718	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	393.575.728	1.276.633.929
Thuế, phí và lệ phí	11.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng	34.881.609	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.047.633	182.784.818
Chi phí bằng tiền khác	3.555.076.882	14.224.506.248
Cộng	<u>5.853.160.103</u>	<u>26.503.712.000</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	270.818.182
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Các khoản nợ không xác định được chủ	-	-
Khách hàng trả tiền thừa	42.608.985	-
Tài sản thừa do kiểm kê	-	-
Thu nhập khác	1.513.333	188.406.938
Cộng	<u>44.122.318</u>	<u>459.225.120</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Giá trị còn lại tài sản thanh lý, nhượng bán	-	-
Chi phí phạt, bồi thường hợp đồng	643.105.919	119.117.921
Thuế bị phạt, bị truy thu		330.555.284
Chi phí loại trừ khi tính Thuế TNDN	19.351.818	-
Hủy thuốc hết date		-
Chi phí khác	35.326	382.445.434
Cộng	662.493.063	832.118.639

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Các giao dịch không bằng tiền**

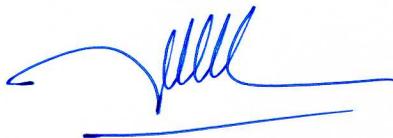
Trong quý, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Quý 1 - 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn	-	7.383.550.000
Cổ phiếu lẻ giữ lại làm cổ phiếu quỹ	-	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**Giao dịch với các bên liên quan khác*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Hải Yên	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt	Công ty liên kết

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2010



Nguyễn Văn Hiếu
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

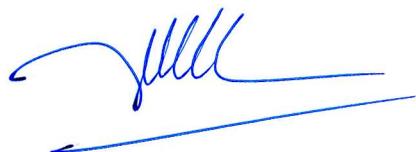
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

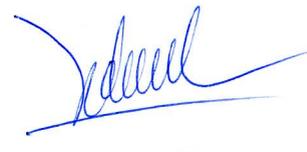
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	73,955,000,000	70,731,808,592	(702,100,000)	83,542,681,196	20,000,000,000	62,418,032,322	309,945,422,110
Điều chỉnh năm trước	-	-	-	-	-	(7,676,443)	(7,676,443)
Phát hành cổ phiếu thưởng	7,383,550,000	-	-	-	-	(7,383,550,000)	-
Lợi nhuận sau thuế năm trước	-	-	-	-	-	102,581,109,243	102,581,109,243
Phân phối quỹ trong năm	-	-	-	9,919,701,082	-	(19,839,402,164)	(9,919,701,082)
Trích thù lao Hội đồng quản trị năm 2008 và tạm trích 2009	-	-	-	-	-	(1,093,977,581)	(1,093,977,581)
Tạm chia cổ tức 2009 (22%)	-	-	-	-	-	(17,872,019,000)	(17,872,019,000)
Số dư cuối năm trước	81,338,550,000	70,731,808,592	(702,100,000)	93,462,382,278	20,000,000,000	118,802,516,377	383,633,157,247
Số dư đầu năm nay	81,338,550,000	70,731,808,592	(702,100,000)	93,462,382,278	20,000,000,000	118,802,516,377	383,633,157,247
Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2010	-	-	-	-	-	25,785,742,292	25,785,742,292
Số dư cuối quý này	81,338,550,000	70,731,808,592	(702,100,000)	93,462,382,278	20,000,000,000	144,588,258,669	409,418,899,539



Nguyễn Văn Hiếu
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2010